

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN



HEALTH • HYGIENE • HOME

1. Nhận biết sản phẩm và công ty

- Tên sản phẩm** : Professional LYSOL® No Rinse Sanitizer Concentrate
- Phân phối bởi** : Reckitt Benckiser LLC.
Morris Corporate Center IV
399 Interpace Parkway (P.O. Box 225) Parsippany, New Jersey 07054-0225
+1 973 404 2600
- Số điện thoại khẩn cấp (Y tế)** : 1-800-338-6167
- Số điện thoại khẩn cấp (Vận chuyển)** : 1-800-424-9300 (Hoa Kỳ & Canada) CHEMTREC
Ngoài Hoa Kỳ và Canada (Bắc Mỹ), gọi Chemtrec: 703-527-3887
- Trang web:** : <http://www.rbnainfo.com>
- Công dụng của sản phẩm** : Chất diệt khuẩn.

Bảng chỉ dẫn an toàn (SDS) này được thiết kế cho nhân viên ở nơi làm việc, nhân viên ứng phó khẩn cấp và cho các điều kiện và tình huống khác mà rất có khả năng sẽ bị phơi nhiễm trên quy mô lớn hoặc trong thời gian dài theo yêu cầu của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Lao động USDOL.

SDS này không áp dụng đối với mục đích tiêu dùng sản phẩm của chúng tôi. Nếu mục đích là tiêu dùng, chúng tôi có trình bày nội dung về biện pháp phòng ngừa và sơ cứu trên nhãn sản phẩm theo quy định hiện hành của chính phủ và như được trình bày trong Phần 15 của SDS này.

- Số SDS** : 355303PSDS v7.0
- Số công thức** : U-0671-3 (355303 v3.0)
- Số ID theo EPA** : 675-30
- Mã / Cỡ UPC** : HDPE dung tích 1 gallon có nắp mở xoắn

Chỉ định sử dụng có liên quan của hóa chất hoặc hỗn hợp và chống chỉ định sử dụng

Chỉ định sử dụng

Tiêu dùng

2. Nhận biết các mối nguy hại

- Phân loại hợp chất hoặc hỗn hợp** : ĂN MÒN KIM LOẠI - Nhóm 1
KÍCH ỨNG DA - Nhóm 2
KÍCH ỨNG MẮT - Nhóm 2A
MẮN CẮM DA - Nhóm 1

Nhãn GHS

Biểu tượng nguy hại



355303PSDS v7.0

2. Nhận biết các mối nguy hại

Từ báo hiệu	: Cảnh báo
Cảnh báo nguy hại	: Có thể ăn mòn kim loại. Gây kích ứng da. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
<u>Tuyên bố phòng ngừa</u>	
Tổng quan	: Để tránh xa tầm tay của trẻ em. Nếu cần lời khuyên y tế: Hãy mang theo bình chứa hoặc nhãn sản phẩm.
Phòng ngừa	: Mang găng tay bảo vệ. Bảo vệ mắt hoặc mặt. Chỉ giữ trong bao bì ban đầu. Tránh hít phải hơi. Rửa kỹ sau khi xử lý. Không được phép sử dụng quần áo lao động bị nhiễm bẩn ngoài nơi làm việc.
Phản ứng	: Thấm vật liệu tràn để tránh hồng hóc nghiêm trọng. Cởi quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn và giặt trước khi sử dụng lại. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. NẾU RƠI LÊN DA: Rửa bằng thật nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hãy đến cơ sở y tế hoặc hỏi bác sĩ. NẾU RƠI VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và để tháo. Tiếp tục rửa. Nếu còn kích ứng mắt: Hãy đến cơ sở y tế hoặc hỏi bác sĩ.
Bảo quản	: Bảo quản trong bình chứa không bị ăn mòn có lớp lót trong chống mòn.
Thải bỏ	: Vứt bỏ thành phần và thùng chứa phù hợp với tất cả quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Thành phần nhãn bổ sung	: Không xác định.
Nguy hại không được phân loại	: Không xác định.

3. Cấu tạo/thông tin về thành phần

Hóa chất / hỗn hợp : Hỗn hợp

Tên thành phần	%	Mã CAS
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua ethanol	5 - 10 1 - 5	68424-85-1 64-17-5

Nồng độ thể hiện dưới dạng khoảng là để bảo vệ tính bảo mật hoặc do khác biệt về lô hóa chất.

Theo hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và với nồng độ áp dụng, hiện không có thành phần bổ sung nào được phân loại là nguy hại đối với sức khỏe hoặc môi trường mà cần phải báo cáo trong phần này.

4. Biện pháp sơ cứu

Mô tả biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới lên. Kiểm tra và tháo kính áp tròng. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Đưa đến cơ sở y tế.
Hít phải	: Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí và để nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu không thở, nhịp thở không đều hoặc ngừng thở, nhờ một người đã qua đào tạo tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc cho thở oxy. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người sơ cứu. Hãy đến cơ sở y tế nếu có ảnh hưởng tiêu cực hoặc nghiêm trọng tới sức khỏe. Nếu bất tỉnh, hãy để nạn nhân ở tư thế nghỉ và đưa đến cơ sở y tế ngay lập tức. Giữ đường thở luôn mở. Nới lỏng quần áo như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây buộc eo.

355303PSDS v7.0

4. Biện pháp sơ cứu

- Tiếp xúc da** : Rửa bằng thật nhiều xà phòng và nước. Cởi quần áo, giày dép bị nhiễm bẩn. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn thật kỹ bằng nước trước khi cởi hoặc đeo găng tay. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Đưa đến cơ sở y tế. Trong trường hợp có phàn nàn hay triệu chứng, tránh tiếp tục phơi nhiễm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Lau sạch giày trước khi sử dụng lại.
- Ăn phải** : Rửa miệng bằng nước. Bỏ hàm giả nếu có. Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí và để nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nuốt phải hóa chất và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho uống ít nước. Dừng lại nếu người bị phơi nhiễm cảm thấy yếu bởi có thể nguy hiểm nếu bị nôn mửa. Không được ép nôn ra trừ khi nhân viên y tế chỉ dẫn làm vậy. Nếu xảy ra nôn mửa, cần cúi thấp đầu để dịch nôn không vào phổi. Hãy đến cơ sở y tế nếu có ảnh hưởng tiêu cực hoặc nghiêm trọng tới sức khỏe. Không được cho thứ gì vào mồm đối tượng đang bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, hãy để nạn nhân ở tư thế nghỉ và đưa đến cơ sở y tế ngay lập tức. Giữ đường thở luôn mở. Nới lỏng quần áo như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây buộc eo.

Triệu chứng / ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và chậm trễ

Ảnh hưởng cấp tính tiềm tàng tới sức khỏe

- Tiếp xúc với mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.
- Tiếp xúc da** : Gây kích ứng da. Có thể gây phản ứng dị ứng da.
- Ăn phải** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Các dấu hiệu/triệu chứng của việc phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc với mắt** Những triệu chứng xấu có thể bao gồm: đau hoặc kích ứng chảy nước mắt đỏ
- Hít phải** Không có dữ liệu cụ thể.
- Tiếp xúc da** Những triệu chứng xấu có thể bao gồm: kích thích tấy đỏ
- Ăn phải** Không có dữ liệu cụ thể.

Chỉ thi đưa đến cơ sở y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt nếu cần

- Lưu ý cho bác sĩ** : Điều trị theo triệu chứng. Liên hệ với chuyên gia trị độc ngay lập tức nếu ăn hoặc hít phải số lượng lớn.
- Cách điều trị cụ thể** : Không có cách điều trị cụ thể.
- Bảo vệ người cấp cứu** : Không được thực hiện hành động gây rủi ro cho bất cứ người nào hoặc khi chưa được đào tạo thích hợp. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người sơ cứu. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn thật kỹ bằng nước trước khi cởi hoặc đeo găng tay.

Xem thông tin độc tính (Phần 11)

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy

- Phương tiện chữa cháy phù hợp** : Sử dụng chất chữa cháy phù hợp đối với đám cháy xung quanh.
- Phương tiện chữa cháy không phù hợp** : Không xác định.

355303PSDS v7.0

5. Biện pháp chữa cháy

Nguy hại đặc biệt phát sinh từ hóa chất : Khi cháy, hóa chất có thể sinh ra sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

Sản phẩm phân hủy nhiệt nguy hiểm : Sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các chất sau: cacbon dioxit, cacbon monoxit

Hành động bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Nhanh chóng cách ly hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi vùng lân cận nơi xảy ra đám cháy. Không được thực hiện hành động gây rủi ro cho bất cứ người nào hoặc khi chưa được đào tạo thích hợp.

Trang thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Lính cứu hỏa cần mặc trang thiết bị bảo hộ và thiết bị thở tự duy trì (SCBA) thích hợp có mặt nạ che kín mặt và hoạt động trong chế độ áp suất dương.

6. Biện pháp đối phó với sự cố phát thải

Phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Dành cho nhân viên không phản ứng khẩn cấp : Không được thực hiện hành động gây rủi ro cho bất cứ người nào hoặc khi chưa được đào tạo thích hợp. Sơ tán khu vực xung quanh. Không để người không có phận sự và không được bảo hộ vào khu vực. Không được chạm hoặc đi qua bãi hóa chất bị tràn. Tránh hít phải hơi hoặc bụi. Đảm bảo thông khí đầy đủ. Mang dụng cụ thở thích hợp khi tình trạng thông khí không đầy đủ. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.

Dành cho người phản ứng khẩn cấp : Nếu yêu cầu dùng quần áo chuyên dụng để ứng phó với sự cố tràn, hãy lưu ý tới các thông tin trong Phần 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong phần “Dành cho nhân viên không phản ứng khẩn cấp”.

Biện pháp bảo vệ môi trường : Tránh phân tán chất tràn và nước thải và để chúng tiếp xúc với đất, đường thủy, đường nước thải và ống cống. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền liên quan nếu sản phẩm gây ô nhiễm môi trường (ống cống, đường thủy, đất hoặc không khí).

Phương pháp và vật liệu quây bao và dọn dẹp

Bãi tràn nhỏ : Dùng rò rỉ nếu không có rủi ro. Di chuyển thùng chứa khỏi khu vực tràn. Pha loãng bằng nước và thấm nếu hòa tan trong nước. Hoặc là nếu không hòa tan trong nước thì thấp bằng vật liệu trơ, khô và bỏ vào bình thải bỏ chất thải thích hợp. Thấm vật liệu tràn để tránh hồng hóc nghiêm trọng. Giao cho một nhà thầu được cấp phép tiến hành thải bỏ.

Bãi tràn lớn : Dùng rò rỉ nếu không có rủi ro. Di chuyển thùng chứa khỏi khu vực tràn. Thấm vật liệu tràn để tránh hồng hóc nghiêm trọng. Tiếp cận bãi tràn từ ngược hướng gió. Tránh để hóa chất xâm nhập vào ống cống, đường nước, tầng hầm hoặc những khu vực bao kín. Rửa nước tràn vào nhà máy xử lý nước thải hoặc tiến hành như sau. Quây bao và thu gom bãi tràn bằng vật liệu thấm không cháy (ví dụ cát, đất, đất diatomit, vecmiculit) và để trong bình chứa để thải bỏ theo quy định của địa phương (xem Phần 13). Giao cho một nhà thầu được cấp phép tiến hành thải bỏ chất thải. Chất thấm bị nhiễm bẩn có thể có nguy cơ giống như sản phẩm bị tràn. Lưu ý: xem phần 1 để biết thông tin liên hệ khẩn cấp và phần 13 để biết cách thải bỏ chất thải.

7. Xử lý và bảo quản

Biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Biện pháp bảo vệ : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem Phần 8). Không nên thuê người có tiền sử gặp các vấn đề về mẫn cảm da trong bất cứ quy trình nào có sử dụng sản phẩm. Không được để rơi vào mắt hoặc rơi lên da hoặc quần áo. Không được ăn. Tránh hít phải hơi hoặc bụi. Giữ trong thùng đựng gốc hoặc thùng đựng thay thế được cho phép, làm bằng một chất tương thích, đóng chặt khi không sử dụng. Thùng chứa rỗng có chứa dư chất và có thể gây nguy hiểm. Không được sử dụng lại thùng chứa. Thấm vật liệu tràn để tránh hồng hóc nghiêm trọng.

355303PSDS v7.0

7. Xử lý và bảo quản

Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích : Bảo quản theo quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa gốc, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp chiếu vào, để ở nơi thoáng mát, tránh xa chất không tương thích (xem Phần 10) và đồ ăn, nước uống. Bảo quản trong bình chứa không bị ăn mòn có lớp lót trong chống mòn. Giữ tránh xa kim loại. Đóng chặt thùng chứa và niêm phong tới khi sẵn sàng sử dụng. Những thùng chứa đã mở phải được niêm phong lại một cách cẩn thận và để dựng đứng, tránh rò rỉ. Không được bảo quản trong thùng chứa không có dán nhãn. Sử dụng biện pháp quây chứa thích hợp để tránh làm ô nhiễm môi trường. Xem Phần 10 về vật liệu không tương thích trước khi thao tác hay sử dụng.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Biện pháp kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần	Giới hạn phơi nhiễm
ethanol	<p>ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2018). STEL: 1000 ppm 15 phút.</p> <p>OSHA PEL 1989 (Hoa Kỳ, 3/1989). TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 8 giờ.</p> <p>NIOSH REL (Hoa Kỳ, 10/2016). TWA: 1000 ppm 10 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 10 giờ.</p> <p>OSHA PEL (Hoa Kỳ, 5/2018). TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 8 giờ.</p>

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Bố trí thông hơi tốt tổng thể là đủ để kiểm soát tình trạng người lao động phơi nhiễm trước chất nhiễm bản trong không khí.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Nên kiểm tra khí thải từ trang thiết bị thông hơi hoặc vận hành để đảm bảo chúng tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, ta sẽ cần phải sử dụng dụng cụ lọc khói, bộ lọc hoặc điều chỉnh thiết bị xử lý để giảm lượng khí thải về mức có thể chấp nhận được.

Biện pháp bảo vệ cá nhân

Biện pháp vệ sinh

: Rửa kỹ bàn tay, cánh tay và mặt sau khi xử lý hóa chất, trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng nhà vệ sinh và khi kết thúc ca làm việc. Nên sử dụng các kỹ thuật thích hợp để cởi bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm bản. Không được phép sử dụng quần áo lao động bị nhiễm bản ngoài nơi làm việc. Giặt quần áo bị nhiễm bản trước khi sử dụng lại. Đảm bảo rằng các địa điểm rửa mắt và bố trí vòi hoa sen an toàn ở gần với nơi làm việc.

Bảo vệ mắt/mặt

: Nên sử dụng dụng cụ đeo bảo vệ an toàn cho mắt theo tiêu chuẩn được phê duyệt khi đánh giá rủi ro cho thấy việc này là cần thiết để tránh phơi nhiễm trước nước lỏng, sương, khí hoặc bụi. Nếu có thể tiếp xúc, cần mang các đồ bảo hộ sau, rời khi đánh giá cho thấy cần mức độ bảo hộ cao hơn kính bảo vệ chống hóa chất bắn vào mắt.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

: Cân nhắc các thông số do nhà sản xuất găng tay quy định, kiểm tra trong khi sử dụng, đảm bảo găng tay vẫn có khả năng bảo vệ tốt. Nên lưu ý rằng các nhà sản xuất găng tay khác nhau có thể quy định thời gian xuyên thủng vật liệu làm găng tay khác nhau. Nếu là hỗn hợp chứa nhiều chất, thời gian bảo vệ có thể không được ước tính chính xác.

Bảo vệ cơ thể

: Nên lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân theo công việc được thực hiện và các rủi ro có liên quan và thiết bị cần được một chuyên gia phê duyệt trước khi xử lý sản phẩm này.

355303PSDS v7.0

8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

- Quy định khác về bảo vệ da** : Nên lựa chọn giày dép và các biện pháp bảo vệ da khác một cách thích hợp theo công việc được thực hiện và các rủi ro có liên quan và thiết bị cần được một chuyên gia phê duyệt trước khi xử lý sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Căn cứ vào nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, hãy chọn loại mặt nạ hô hấp đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận thích hợp. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp theo chương trình bảo vệ đường hô hấp để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về vừa khí, đào tạo và các khía cạnh quan trọng khác trong khi sử dụng.

9. Tính chất lý hóa

Hình thể

- Trạng thái vật lý** : Lỏng. [Trong.]
- Màu sắc** : Nước trắng.
- Mùi** : Mùi như amin.
- Ngưỡng mùi** : Không có dữ liệu.
- pH** : 7,7 [Nồng độ (% w/w): 100%]
- Điểm tan chảy** : Không có dữ liệu.
- Điểm sôi** : Không có dữ liệu.
- Điểm bốc cháy** : Cốc đóng: >93,3°C (>199,9°F)
- Tốc độ bay hơi** : Không có dữ liệu.
- Tính dễ cháy (rắn, khí)** : Không có dữ liệu.
- Giới hạn nổ (tính dễ cháy) dưới và trên** : Không có dữ liệu.
- Áp suất hơi** : Không có dữ liệu.
- Mật độ hơi** : Không có dữ liệu.
- Mật độ tương đối** : 0,99 g/cm³ [20 - 25°C]
- Mật độ** : 0,983 - 0,996 g/cm³ [20 - 25°C (68 - 77°F)]
- Khả năng hòa tan** : Không thể dễ dàng hòa tan trong những chất sau: nước lạnh và nước nóng.
- Hệ số phân số: n-octanol/nước** : Không có dữ liệu.
- Nhiệt độ tự bốc cháy** : Không có dữ liệu.
- Nhiệt độ phân hủy** : Không có dữ liệu.
- Độ nhớt** : Không có dữ liệu.

10. Độ ổn định và khả năng phản ứng

- Khả năng phản ứng** : Không có dữ liệu thí nghiệm cụ thể liên quan tới khả năng phản ứng của sản phẩm này
- Độ ổn định hóa học** : Sản phẩm ổn định.
- Khả năng phản ứng nguy hiểm** : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường sẽ không xảy ra phản ứng nguy hiểm.
- Các điều kiện cần tránh** : Không có dữ liệu cụ thể.
- Vật liệu không tương thích** : Phản ứng hoặc không tương thích với các vật liệu sau: kim loại
- Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm** : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường sẽ không tạo ra sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

355303PSDS v7.0

11. Thông tin độc tính

Thông tin về ảnh hưởng độc tính

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Kết quả	Loài	Liều lượng	Phơi nhiễm
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua ethanol Lysol chuyên dụng không cần Chết diệt khuẩn_FF355303 (355303PSDS)_US GHS	LD50 Qua da	Thỏ	2848 mg/kg	-
	LD50 Qua da	Thỏ	3413 mg/kg	-
	LD50 Qua đường miệng	Chuột	344 mg/kg	-
	LD50 Qua đường miệng	Chuột	398 mg/kg	-
	LC50 Hít phải hơi	Chuột	124700 mg/m ³	4 giờ
	LD50 Qua đường miệng	Chuột	7 g/kg	-
	LD50 Qua da	Chuột	>5050 mg/kg	-
	LD50 Qua đường miệng	Chuột - Đực	>5000 mg/kg	-

Kết luận/Tóm tắt Kích ứng/Ăn mòn : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Kết quả	Loài	Điểm	Phơi nhiễm	Quan sát
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua ethanol	Da - Kích ứng nặng	Thỏ	-	25 mg	-
	Mắt - Kích ứng vừa phải	Thỏ	-	0,066666667 phút 100 mg	-
	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Mắt - Kích ứng vừa phải	Thỏ	-	100 micolit	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	400 mg	-
	Da - Kích ứng vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 20 mg	-
Dung dịch diệt khuẩn Lysol chuyên dụng không cần tráng rửa_FF355303 (355303PSDS)	Mắt - Kích ứng nghiêm trọng	Thỏ	-	-	-
	Da - Kích ứng nặng	Thỏ	-	240 phút	14 ngày

Kết luận/Tóm tắt

- Da** : Gây kích ứng nặng cho da. Thông tin được dựa trên kết quả xét nghiệm độc tính của sản phẩm.
- Mắt** : Kích ứng mắt nghiêm trọng. Thông tin được dựa trên kết quả xét nghiệm độc tính của sản phẩm thử nghiệm. (Thử nghiệm độ đục và khả năng xuyên giác mạc trên bò (BCOP-OECD))
- Hô hấp** : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
- Mẫn cảm** : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

355303PSDS v7.0

11. Thông tin độc tính

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Đường phơi nhiễm	Loài	Kết quả
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua	da	Chuột lang	Không mẫn cảm
Dung dịch diệt khuẩn Lysol chuyên dụng không cần tráng rửa_FF355303	da	Chuột lang	Mẫn cảm

Kết luận/Tóm tắt

Da : Mẫn cảm da Thông tin được dựa trên kết quả xét nghiệm độc tính của chất cô đặc.

Hô hấp : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Khả năng gây đột biến

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Thử nghiệm	Thực nghiệm	Kết quả
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua	OECD 471 - Xét nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn	Thực nghiệm: Đối tượng trong ống nghiệm: Vi khuẩn	Âm tính
	OECD 473 - Xét nghiệm quang sai nhiễm sắc thể trên loài có vú	Thực nghiệm: Ngoài cơ thể Đối tượng: Loài có vú-Động vật	Âm tính
	OECD 476 - Xét nghiệm đột biến gen trên loài có vú	Thực nghiệm: Ngoài cơ thể Đối tượng: Loài có vú-Động vật	Âm tính

Kết luận/Tóm tắt : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tính gây ung thư

Không có dữ liệu.

Kết luận/Tóm tắt Phân loại : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tên sản phẩm/nguyên liệu	OSHA	IARC	NTP
ethanol	-	1	-

Độc tính với khả năng sinh sản

Không có dữ liệu.

Kết luận/Tóm tắt Khả năng tạo : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

quái thai

Không có dữ liệu.

Kết luận/Tóm tắt : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể (phơi nhiễm đơn)

Không có dữ liệu.

Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể (phơi nhiễm lặp lại)

Không có dữ liệu.

Nguy hại hô hấp

Không có dữ liệu.

355303PSDS v7.0

11. Thông tin độc tính

Thông tin về đường phơi nhiễm có thể có : Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng cấp tính tiềm tàng tới sức khỏe

- Tiếp xúc với mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay
- Tiếp xúc da** : Gây kích ứng da. Có thể gây phản ứng dị ứng
- Ăn phải** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Triệu chứng liên quan tới tính chất lý hóa và độc tính

- Tiếp xúc với mắt** : Những triệu chứng xấu có thể bao gồm: đau hoặc kích ứng chảy nước mắt đỏ
- Hít phải** : Không có dữ liệu cụ thể.
- Tiếp xúc da** : Những triệu chứng xấu có thể bao gồm: kích thích tây đỏ
- Ăn phải** : Không có dữ liệu cụ thể.

Ảnh hưởng chậm và ảnh hưởng tức thời và có thể có cả mãn tính khi phơi nhiễm trong thời gian ngắn và lâu

Phơi nhiễm ngắn hạn

Ảnh hưởng tiềm tàng ngay lập tức : Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng tiềm tàng chậm : Không có dữ liệu.

Phơi nhiễm trong thời gian

Ảnh hưởng tiềm tàng ngay lập tức : Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng tiềm tàng chậm : Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng mãn tính tiềm tàng tới sức khỏe

Không có dữ liệu.

- Kết luận/Tóm tắt** : Căn cứ vào dữ liệu sẵn có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
- Tổng quan** : Sau khi bị mắc cảm, có thể xảy ra phản ứng dị ứng nghiêm trọng khi sau đó lại bị phơi nhiễm trước nồng độ rất thấp.
- Tính gây ung thư** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.
- Khả năng gây đột biến** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.
- Độc tính với khả năng sinh sản** : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Giá trị đánh giá độc tính

Ước tính độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Miệng (mg/kg)	Da (mg/kg)	Hít (khí) (ppm)	Hít (hơi) (mg/l)	Hít phải (bụi và sương) (mg/l)
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua	344	2848	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
ethanol	7000	Không áp	Không áp	124,7	Không áp

355303PSDS v7.0

11. Thông tin độc tính**12. Thông tin sinh thái****Độc tính**

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Kết quả	Loài	Thời gian phơi nhiễm
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua ethanol	Cấp tính EC50 0,016 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 64 ppb Nước ngọt Mặn	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ
	tính EC10 0,009 mg/l	Tảo	72 giờ
	Cấp tính EC50 17,921 mg/l Nước mặn	Tảo - Ulva pertusa	96 giờ
	Cấp tính EC50 2000 pg/l Nước mặn	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính LC50 25500 pg/l Nước mặn	Động vật vỏ giáp - Artemia franciscana - Larvae	48 giờ
	Cấp tính LC50 11000000 pg/l Nước mặn	Cá - Alburnus alburnus	96 giờ
Mặn tính NOEC 4,995 mg/l Nước mặn	Tảo - Ulva pertusa	96 giờ	
Mặn tính NOEC 100 ul/L Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Con non	21 ngày	

Độ bền và mức độ phân hủy**Kết luận/Tóm tắt**

: (Các) hoạt chất bề mặt có trong chế phẩm này tuân thủ các tiêu chí về tính thoái hóa biến sinh nêu trong Quy định (EC) số 648/2004 về chất tẩy rửa. Dữ liệu làm căn cứ cho khẳng định này được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên và sẽ được cung cấp cho họ theo yêu cầu trực tiếp của họ hoặc yêu cầu của nhà sản xuất chất tẩy rửa.

Tên sản phẩm/nguyên liệu	Thời gian bán rã thủy sinh	Quang phân	Tính thoái hóa biến sinh
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua	-	-	Sẵn sàng

Khả năng tích lũy sinh học

Tên sản phẩm/nguyên liệu	LogP _{ow}	BCF	Potential
ethanol	-0,35	-	thấp

Tính di động trong đất

Hệ số phân tán đất/nước (Koc) : Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng tiêu cực khác : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.





355303PSDS v7.0

13. Lưu ý khi thải bỏ

Phương pháp thải bỏ

Nên tránh hoặc giảm thiểu tạo chất thải nếu có thể. Việc thải bỏ sản phẩm này, dung dịch và phụ phẩm cần tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường và pháp luật về thải bỏ chất thải và mọi yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và khu vực. Giao cho một nhà thầu được cấp phép tiến hành thải bỏ các sản phẩm thừa và không tái chế được. Không nên thải bỏ rác thải chưa xử lý ra đường cống trừ khi tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của tất cả cơ quan chức trách có thẩm quyền. Nên tái chế bao bì thải. Chỉ nên cân nhắc đốt cháy hoặc chôn khi việc tái chế là không khả thi. Chất này và thùng đựng phải được thải bỏ một cách an toàn. Cần cẩn thận khi xử lý thùng đựng rỗng chưa được lau sạch hay rửa sạch. Thùng đựng rỗng hoặc tấm lót có thể còn dính một chút sản phẩm. Tránh phân tán chất tràn và nước thải và để chúng tiếp xúc với đất, đường thủy, đường nước thải và ống cống.

14. Thông tin vận chuyển

	Phân loại DOT	Phân loại TDG	IMDG	IATA
Số UN	UN1903	UN1903	UN1903	UN1903
Tên vận chuyển phù hợp theo UN	Chất diệt khuẩn, chất lỏng, ăn mòn, n.o.s. (Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua)	CHẤT DIỆT KHUẨN, CHẤT LỎNG, ĂN MÒN, N.O.S. (Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua)	CHẤT DIỆT KHUẨN, CHẤT LỎNG, ĂN MÒN, N.O.S. (Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua)	Chất diệt khuẩn, chất lỏng, ăn mòn, n.o.s. (Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua)
Phân loại nguy hại vận chuyển	8 	8 	8 	8 
Nhóm đóng gói	III	III	III	III
Nguy hại môi trường	Không.	Không.	Không.	Không.

Thông tin bổ sung

- Phân loại DOT** : Số lượng giới hạn
Phân loại TDG : Số lượng giới hạn
IMDG : Số lượng giới hạn
IATA : Xem Danh sách DG

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Vận chuyển trong cơ sở của người dùng: luôn vận chuyển trong bình chứa kín, được dựng đứng và đóng chặt. Đảm bảo người vận chuyển sản phẩm biết cách xử lý trong trường hợp gặp tai nạn hoặc tràn.

Vận chuyển rời theo hướng dẫn của IMO

: Không có dữ liệu.

355303PSDS v7.0

15. Thông tin quy định

Quy định liên bang của Hoa Kỳ :

Bộ luật không khí sạch - Phần 112 : Không được liệt kê

(b) Chất ô nhiễm không khí

Bộ luật không khí sạch - Phần 602 : Không được liệt kê

Chất Hạng I

Bộ luật không khí sạch - Phần 602 : Không được liệt kê

Chất Hạng II

Hóa chất thuộc Danh sách I của DEA (Hóa chất tiền chỉ) : Không được liệt kê

Hóa chất thuộc Danh sách II của DEA (Hóa chất thiết yếu) : Không được liệt kê

SARA 302/304

Cấu tạo/thông tin về thành phần

Không tìm thấy sản phẩm nào.

SARA 304 RQ

Không áp dụng.

SARA 311/312

Phân loại

ĂN MÒN KIM LOẠI - Nhóm 1
KÍCH ỨNG DA - Nhóm 2
KÍCH ỨNG MẮT - Nhóm 2A
MẮN CẢM DA - Nhóm 1

Cấu tạo/thông tin về thành phần

Tên	%	Phân loại
Hợp chất amoni hóa trị bốn, benzyl-C12-16-alkyldimethyl, clorua ethanol	5 - 10 1 - 5	ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH (miệng) - Nhóm 4 KÍCH ỨNG DA - Nhóm 2 KÍCH ỨNG MẮT - Nhóm 2A CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Nhóm 2 KÍCH ỨNG MẮT - Nhóm 2A

Quy định của tiểu bang

Massachusetts

: Các thành phần sau được liệt kê: ETHYL ALCOHOL; CỒN BIẾN CHẤT

New York

: Không có thành phần nào được liệt kê.

New Jersey

: Các thành phần sau được liệt kê: ETHYL ALCOHOL; ALCOHOL

Pennsylvania

: Các thành phần sau được liệt kê: CỒN BIẾN CHẤT; ETHANOL

California, Dự luật 65

Sản phẩm này không cần cảnh báo Cảnh an toàn theo Dự luật California 65.

Thành phần nhãn

EPA

Từ báo hiệu :

: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hại

: Ăn mòn. Gây tổn thương mắt và bong da không thể hồi phục. Có hại nếu nuốt phải hoặc hấp thụ qua da.
: Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Chất trợ đặc biệt.

: Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

355303PSDS v7.0

15. Thông tin quy định

Biện pháp phòng ngừa : ĐỂ TRÁNH XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
Không được để rơi vào mắt hoặc rơi lên da hoặc quần áo. Đeo kính bảo hộ [kính an toàn / tấm che mặt], quần áo bảo hộ và găng tay bằng cao su. Rửa kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý. Cởi quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi sử dụng lại. Tránh làm nhiễm bẩn thực phẩm. Tránh hít phải sương từ bụi sít.

Chất gây mẫn cảm da : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Thông tin bổ sung / Khuyến nghị

Thông tin bổ sung : Không được làm bẩn nước, thực phẩm hay thức ăn bằng cách bảo quản và thải bỏ.

Khuyến cáo : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

Khuyến cáo : Không xác định có ảnh hưởng đáng kể hay nguy cơ nghiêm trọng.

16. Thông tin khác

Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm (Hoa Kỳ)

Sức khỏe	/	3
Khả năng dễ cháy		1
Nguy hại vật lý		0

Thận trọng: Xếp hạng HMIS® được dựa trên thang đo xếp hạng 0-4, trong đó 0 là nguy cơ hoặc rủi ro không đáng kể, còn 4 là nguy cơ hoặc rủi ro đáng kể. Mặc dù không bắt buộc phải có xếp hạng HMIS® và nhãn đi kèm trên SDS hay sản phẩm xuất xưởng theo 29 CFR 1910.1200, người soạn có thể chọn cung cấp những thông tin này. Xếp hạng HMIS® sẽ được sử dụng với một chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là thương hiệu được đăng ký và nhãn hiệu dịch vụ của American Coatings Association, Inc.

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định mã PPE của chất này. Để biết thêm thông tin về mã Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) theo HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay triển khai HMIS®.

Hiệp hội Phòng cháy Quốc gia (Hoa Kỳ)



NFPA (30B) son khí Tính dễ cháy Không áp dụng

Chú giải viết tắt

ATE = Ước tính độc tính cấp tính
BCF = Hệ số mật độ sinh học
GHS = Hệ thống Hải hòa hóa Toàn cầu về Phân loại và Dán nhãn Hóa chất
IATA = Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
IBC = Vật chứa lượng lớn trung gian
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm bằng đường biển
LogPow = logarit hệ số phân số octanol/nước
MARPOL = Công ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu năm 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = ô nhiễm biển)
UN = Liên Hợp Quốc

Ngày phát hành : 13/10/2020

Ngày phát hành trước : 02/03/2020

Phiên bản : 7

355303PSDS v7.0

16. Thông tin khác

Soạn bởi

Reckitt Benckiser LLC.
Phòng an toàn sản phẩm
1 Philips Parkway
Montvale, New Jersey 07646-1810 USA.
FAX: 201-476-7770

Nhận xét sửa đổi

Cập nhật theo US GHS.

f⁷ Biểu thị thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản được phát hành trước đó.

Thông báo cho người đọc

Theo những gì chúng tôi được biết, thông tin trong tài liệu này là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất cứ đơn vị thành viên nào của họ đều không chịu bất cứ trách nhiệm nào, dù là gì đi chăng nữa, về độ chính xác hay hoàn chỉnh của các thông tin trong đây.

Người dùng có trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất cứ hóa chất nào. Tất cả hóa chất đều có thể gây ra những nguy hại chưa được xác định và nên được sử dụng một cách thận trọng. Mặc dù trong tài liệu này có mô tả một số nguy hại, song chúng tôi không thể đảm bảo rằng đó là những nguy hại duy nhất.



RB là thành viên của Chương trình Hỗ trợ Sản phẩm Chăm sóc CSPA.